

Số/No...209/2026/SBB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và
hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026, kết thúc tại
ngày 30/06/2026)

(Information disclosure of Separate and
Consolidated Interim Financial Statements for
the first half of year 2026 ended June 30, 2026)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Ho Chi Minh City, August 28th, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: *Hanoi Stock Exchange (HNX)*



Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 2 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company would like to disclose the financial statements second quarter of year 2026 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây

Name of Organization: Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

– Mã chứng khoán: SBB

Stock code: SBB

– Địa chỉ: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam

Address: 08 Nam Ky Khoi Nghia, Ward Sai Gon, HCMC, Vietnam

– Điện thoại/Tel:

Fax:

– Email: info@sabibeco.com

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

– BCTC giữa niên độ năm 2026/*Financial Statements for the first half of year 2026*

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases in which the cause must be explained:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in ..)

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm...):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in)

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year

☒ Yes

☐ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:

☐ Yes

☒ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<https://sabibeco.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website at the link: <https://sabibeco.com/shareholder/>

Đại diện tổ chức/Representative
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization



Lee Chio Lim Larry

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng giữa niên độ năm 2026/
*Separate Interim Financial Statements
for the first haft of year 2026 Ended June
30, 2026*
- BCTC hợp nhất giữa niên độ năm
2026/ *Consolidated Interim Financial
Statements for the first haft of year
2026 Ended June 30, 2026*

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
BIA SÀI
GÒN BÌNH
TÂY**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI
GÒN BÌNH TÂY
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI
GÒN BÌNH TÂY, ST=Hồ Chí
Minh, UID=MST:0304116373
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.08.28
17:30:58
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2026.1.2





**Công ty Cổ phần Tập đoàn
Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Chio Lim Larry

Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00415-26-2



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		926.809.237.133	905.170.951.249
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	286.059.831.048	231.238.370.231
Tiền	111		172.466.519.451	119.890.241.641
Các khoản tương đương tiền	112		113.593.311.597	111.348.128.590
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		116.063.328.768	51.096.767.123
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	116.063.328.768	51.096.767.123
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		232.006.716.515	331.685.624.743
Phải thu của khách hàng	131	11	483.828.980.808	572.582.897.813
Trả trước cho người bán	132		8.431.468.809	17.055.360.284
Phải thu ngắn hạn khác	135	12	3.478.986.561	5.780.086.309
Dự phòng phải thu khó đòi	136	13	(263.732.719.663)	(263.732.719.663)
Hàng tồn kho	140	14(a)	288.600.981.921	287.733.491.880
Hàng tồn kho	141		305.412.311.101	303.612.898.583
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(16.811.329.180)	(15.879.406.703)
Tài sản ngắn hạn khác	160		4.078.378.881	3.416.697.272
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		2.969.232.036	2.399.961.529
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	10.180.897
Thuế phải thu Nhà nước	163		1.109.146.845	1.006.554.846

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		1.164.667.116.535	1.227.381.978.496
Các khoản phải thu dài hạn	210		765.752.500	20.440.000
Phải thu dài hạn khác	215		765.752.500	20.440.000
Tài sản cố định	220		794.198.948.410	962.008.705.974
Tài sản cố định hữu hình	221	15	789.293.408.863	899.079.159.957
Nguyên giá	222		3.789.595.550.198	3.869.017.511.800
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.000.302.141.335)	(2.969.938.351.843)
Tài sản cố định vô hình	227	16	4.905.539.547	62.929.546.017
Nguyên giá	228		13.830.585.877	88.833.087.377
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.925.046.330)	(25.903.541.360)
Bất động sản đầu tư	240	17	103.591.556.521	-
Nguyên giá	241		162.090.239.411	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(58.498.682.890)	-
Tài sản dở dang dài hạn	250		5.362.566.036	4.588.349.036
Xây dựng cơ bản dở dang	252		5.362.566.036	4.588.349.036
Đầu tư tài chính dài hạn	260		213.554.053.643	213.554.053.643
Đầu tư vào công ty liên kết	262	10(b)	41.186.788.990	41.186.788.990
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	10(b)	173.867.264.653	173.867.264.653
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	264	10(b)	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tài sản dài hạn khác	270		47.194.239.425	47.210.429.843
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	18	40.929.822.840	41.153.250.429
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		338.237.287	338.237.287
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	14(b)	5.926.179.298	5.718.942.127
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.091.476.353.668	2.132.552.929.745

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		612.808.330.176	826.017.238.059
Nợ ngắn hạn	310		482.204.575.905	703.645.187.770
Phải trả người bán	311	19	87.484.932.126	146.842.185.449
Người mua trả tiền trước	312	20	21.848.323.565	15.072.770.550
Phải trả cổ tức	313	21	20.229.706.200	2.744.799.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	293.341.964.308	336.426.356.664
Phải trả người lao động	315		4.672.680.792	7.123.077.696
Chi phí phải trả	316	23	6.395.327.041	7.535.383.390
Phải trả ngắn hạn khác	320	24	31.206.990.898	28.231.014.173
Vay ngắn hạn	321	25	-	150.375.762.204
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	26	17.024.650.975	9.293.838.644
Nợ dài hạn	330		130.603.754.271	122.372.050.289
Phải trả dài hạn khác	338		4.745.160.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	27	125.858.594.271	122.372.050.289
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	28	1.478.668.023.492	1.306.535.691.686
Vốn cổ phần	411	29	875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(51.168.810.051)	(51.168.810.051)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		217.882.723.079	45.750.391.273
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) đến cuối năm trước	420a		31.332.682.056	(127.222.577.794)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ/năm	420b		186.550.041.023	172.972.969.067
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.091.476.353.668	2.132.552.929.745

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Ngô Việt Hà
Kế toán trưởng

Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

			Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu	01	32	1.741.772.699.276	1.560.891.909.219
Giá vốn hàng bán	11	33	1.487.345.883.367	1.479.608.687.821
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		254.426.815.909	81.283.221.398
Doanh thu hoạt động tài chính	22	34	8.800.878.098	9.473.485.365
Chi phí tài chính	23	35	2.898.335.714	8.376.732.213
Trong đó: Chi phí đi vay	24		2.600.264.314	8.370.717.797
Chi phí bán hàng	25	36	6.649.359.209	11.200.193.114
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	41.386.875.200	27.269.274.193
Phần lãi trong công ty liên kết	27	10(b)	-	6.326.991.170
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26) + 27}	30		212.293.123.884	50.237.498.413
Thu nhập khác	31		735.845.158	155.966.000
Chi phí khác	32		291.852.647	2.551.847.510
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		443.992.511	(2.395.881.510)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		212.737.116.395	47.841.616.903
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	8.990.313.951	5.779.155.754
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	3.486.543.982	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		200.260.258.462	42.062.461.149

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		200.260.258.462	42.062.461.149
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		200.260.258.462	42.062.461.149
Lãi trên cổ phiếu			(Điều chỉnh lại)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	2.137	446

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Ngô Việt Hà
Kế toán trưởng

Lê Chao Lim Larry
Tổng Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	212.737.116.395	47.841.616.903
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	74.953.935.938	77.791.155.433
Các khoản dự phòng	03	1.696.416.465	47.679.806.347
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.389.438	-
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(9.244.460.864)	(7.315.711.954)
Phản lãi trong công ty liên kết	05	-	(6.326.991.170)
Chi phí đi vay	06	2.600.264.314	8.370.717.797
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	282.747.661.686	168.040.593.356
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	95.353.445.727	(103.486.307.766)
Biến động hàng tồn kho	10	(2.771.143.677)	68.922.913.722
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(91.467.041.422)	139.538.019.069
Biến động chi phí chờ phân bổ	12	(858.500.792)	9.031.811.084
		283.004.421.522	282.047.029.465
Chi phí đi vay đã trả	14	(2.725.133.834)	(9.989.098.119)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.606.790.417)	(1.910.160.651)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.490.150.489)	(2.135.836.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	264.182.346.782	268.011.934.535
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(6.931.427.420)	(12.215.768.356)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	649.090.910	181.818.182
Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(64.000.000.000)	(709.877.267)
Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	-	73.110.213.178
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	11.321.289.977	5.682.537.393
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.961.046.533)	66.048.923.130

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	47.446.632.915	394.057.570.451
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(197.822.395.119)	(510.049.980.865)
Tiền chi trả cổ tức	36	(20.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(150.395.762.204)	(115.992.410.414)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	54.825.538.045	218.068.447.251
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	231.238.370.231	146.777.742.691
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(4.077.228)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	286.059.831.048	364.846.189.942

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:

 Hoàng Lan Hương
 Kế toán

Người duyệt:

 Ngô Việt Hà
 Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật:

 Lee Chio Lim Larry
 Tổng Giám đốc kiêm
 Người đại diện theo pháp luật



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 5158/TB-SGDHN ngày 5 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là SBB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán bia, rượu mạch nha và mạch nha; sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ uống, phế liệu kim loại và phi kim loại; cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ; và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.

Các hoạt động chính của các công ty con được thể hiện ở Thuyết minh 1(d).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 3 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2026: 3 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	30/6/2026			1/1/2026		
				% sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu biểu quyết
I	Các công ty con								
1	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bía Sài Gòn Bình Tây	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước ngọt) và cung cấp dịch vụ nhà hàng	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Bía Sài Gòn - Phú Lý	Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	100%	100%	100%	100%	100%	100%
3	Công ty TNHH Bía Sài Gòn - Ninh Thuận	Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	100%	100%	100%	100%	100%	100%
II	Công ty liên kết								
1	Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Long Khánh	Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	20,20%	20,20%	20,20%	20,20%	20,20%	20,20%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 523 nhân viên (1/1/2026: 578 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

Tập đoàn đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43 lần lượt kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và ngày 20 tháng 4 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 và Thông tư 43 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tập đoàn và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(d)(i));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(m)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ những chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 3.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(iii) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, và (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản lãi phải thu tương ứng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu này được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác (Thuyết minh số 4(e)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 4(d)(i), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ở khoản mục phải thu khác.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 43 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 18 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là 41 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|--------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 49 năm |
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) *Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 40 đến 49 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Thuyết minh số 4(m)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác.

(m) Phải trả cổ tức

Cổ tức phải trả được ghi nhận tại thời điểm quyền nhận cổ tức của cổ đông được xác lập và nghĩa vụ thanh toán của Công ty trở nên vô điều kiện.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 4(l), từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, cổ tức phải trả được ghi nhận ở khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bảo quản Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(t) Chi phí sản xuất và kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, thì các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia và đồ uống không cồn. Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ, và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê. Ban Giám đốc cho rằng các lĩnh vực hoạt động này không chịu ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc của Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ sở của các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có sự thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia và đồ uống không cồn. Các hoạt động khác bao gồm cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ, và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tập đoàn. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn. Thuyết minh số 32 và Thuyết minh số 33 đã trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn hàng bán theo từng nhóm hoạt động, qua đó cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của từng phân khúc kinh doanh được xác định như trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền mặt	13.846.371	70.721.572
Tiền gửi ngân hàng (a)	172.452.673.080	119.819.520.069
Các khoản tương đương tiền (b)	113.593.311.597	111.348.128.590
	286.059.831.048	231.238.370.231

(a) Chi tiết các khoản tiền gửi ngân hàng như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	111.336.406.346	113.378.960.145
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	30.241.833.326	2.199.146.583
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	23.923.164.943	203.730.895
Các ngân hàng khác	6.951.268.465	4.037.682.446
	172.452.673.080	119.819.520.069

(b) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 4,75% một năm (1/1/2026: 4,75% một năm).

Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	75.000.000.000	91.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	20.000.000.000	-
Các ngân hàng khác	18.593.311.597	20.348.128.590
	113.593.311.597	111.348.128.590

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 7,70% đến 8,00% một năm (1/1/2026: 4,80% một năm).

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tên ngân hàng		(Phân loại lại)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	77.706.691.782	51.096.767.123
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	23.035.287.671	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	15.321.349.315	-
	116.063.328.768	51.096.767.123

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2026			1/1/2026		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty liên kết (i)	41.186.788.990	-	41.186.788.990	41.186.788.990	-	41.186.788.990
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	173.867.264.653	(1.500.000.000)	172.367.264.653	173.867.264.653	(1.500.000.000)	172.367.264.653
	215.054.053.643	(1.500.000.000)	213.554.053.643	215.054.053.643	(1.500.000.000)	213.554.053.643

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	30/6/2026			1/1/2026		
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	20,20%	41.186.788.990	(*)	-	20,20%	41.186.788.990

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026		30/6/2025	
	VND		VND	
Số dư đầu kỳ	41.186.788.990		186.560.212.473	
Lợi nhuận được chia trong kỳ	-		6.326.991.170	
Chuyển sang đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-		(151.700.414.653)	
Số dư cuối kỳ	41.186.788.990		41.186.788.990	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	11.666.670.000	20.739.450.370	-	11.666.670.000
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	9.000.180.000	15.156.303.120	-	9.000.180.000
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thực phẩm Trưởng Sa	1.500.000.000	(*) (1.500.000.000)		1.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	151.700.414.653	(*)	-	151.700.414.653
	173.867.264.653		(1.500.000.000)	173.867.264.653
				(1.500.000.000)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	195.742.128.813	-	284.782.804.106	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Sagota Cà Mau	23.388.205.764	(23.388.205.764)	23.388.205.764	(23.388.205.764)
Các khách hàng khác	264.698.646.231	(240.344.513.899)	264.411.887.943	(240.344.513.899)
	483.828.980.808	(263.732.719.663)	572.582.897.813	(263.732.719.663)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty mẹ				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	195.742.128.813	-	284.782.804.106	-
Các công ty liên quan khác				
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	799.865.576	-	620.862.173	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	219.094.200	-	-	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải thu cổ tức	1.750.000.500	5.175.000.000
Phải thu tiền lãi	159.430.209	221.857.398
Phải thu khác	1.569.555.852	383.228.911
	3.478.986.561	5.780.086.309

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Thương mại Sagota				
Cà Mau	23.388.205.764	(23.388.205.764)	-	(23.388.205.764)
Công ty Cổ phần Gota Quảng Ngãi	17.992.290.458	(17.992.290.458)	-	(17.992.290.458)
Công ty Cổ phần Thương mại Sagota				
Bita Miền Bắc	17.979.502.716	(17.852.452.034)	127.050.682	(17.852.452.034)
Các khách hàng khác	210.435.280.089	(204.499.771.407)	5.935.508.682	(204.499.771.407)
	269.795.279.027	(263.732.719.663)	6.062.559.364	(263.732.719.663)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	157.227.309.104	(6.299.140.630)	176.183.454.535	(4.879.041.871)
Công cụ và dụng cụ	15.806.196.256	(7.760.623.121)	15.063.898.203	(8.241.400.903)
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	57.964.910.435	-	53.697.729.899	-
Sản phẩm	69.624.660.953	-	51.566.689.988	-
Hàng hóa	902.091.655	-	2.131.021.660	(7.398.500)
Hàng gửi đi bán	3.887.142.698	(2.751.565.429)	4.970.104.298	(2.751.565.429)
	305.412.311.101	(16.811.329.180)	303.612.898.583	(15.879.406.703)

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc thù của hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn ở sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, giờ máy hoạt động, v.v.), nhằm đảm bảo việc xác định giá thành sản phẩm được phản ánh hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Trong kỳ, Tập đoàn đã xác định một số hàng tồn kho có dấu hiệu chậm luân chuyển và quyết định trích lập dự phòng đối với các mặt hàng tồn kho này theo các quy định hiện hành và chính sách nội bộ áp dụng của Tập đoàn.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 16.811 triệu VND (1/1/2026: 15.879 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời và chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	15.879.406.703	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	3.924.949.477	33.032.807.365
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.569.885.063)	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.413.061.937)	-
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	(10.080.000)	-
Số dư cuối kỳ	16.811.329.180	33.032.807.365

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	19.942.670.901	(14.016.491.603)	20.384.001.679	(14.665.059.552)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.665.059.552	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	75.578.623	14.646.998.982
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(734.226.572)	-
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.080.000	-
Số dư cuối kỳ	14.016.491.603	14.646.998.982

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	846.910.017.010	2.961.824.185.624	53.286.849.033	4.729.660.437	2.266.799.696	3.869.017.511.800
Tăng trong kỳ	-	9.662.657.000	-	765.475.000	-	10.428.132.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(87.087.737.911)	-	-	-	-	(87.087.737.911)
Thanh lý	-	-	(2.762.355.691)	-	-	(2.762.355.691)
Số dư cuối kỳ	759.822.279.099	2.971.486.842.624	50.524.493.342	5.495.135.437	2.266.799.696	3.789.595.550.198
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	519.444.002.505	2.407.422.059.987	36.952.921.374	3.852.568.281	2.266.799.696	2.969.938.351.843
Khấu hao trong kỳ	13.569.988.933	58.126.659.005	1.622.923.544	242.463.114	-	73.562.034.596
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(40.640.944.392)	-	-	-	-	(40.640.944.392)
Thanh lý	-	-	(2.557.300.712)	-	-	(2.557.300.712)
Số dư cuối kỳ	492.373.047.046	2.465.548.718.992	36.018.544.206	4.095.031.395	2.266.799.696	3.000.302.141.335
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	327.466.014.505	554.402.125.637	16.333.927.659	877.092.156	-	899.079.159.957
Số dư cuối kỳ	267.449.232.053	505.938.123.632	14.505.949.136	1.400.104.042	-	789.293.408.863

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá là 2.382.409 triệu VND (1/1/2026: 1.303.399 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định hữu hình chủ yếu đang sử dụng (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Dây chuyền đóng chai	62.449.920.267	67.380.177.129
Dây chuyền chiết lon	44.682.380.442	47.992.186.398
Tòa nhà Sagota	-	48.188.548.273
Các tài sản cố định hữu hình khác	682.161.108.154	735.518.248.157
	789.293.408.863	899.079.159.957

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	87.114.712.377	1.718.375.000	88.833.087.377
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(75.002.501.500)	-	(75.002.501.500)
Số dư cuối kỳ	12.112.210.877	1.718.375.000	13.830.585.877
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	24.185.166.360	1.718.375.000	25.903.541.360
Khấu hao trong kỳ	879.243.468	-	879.243.468
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(17.857.738.498)	-	(17.857.738.498)
Số dư cuối kỳ	7.206.671.330	1.718.375.000	8.925.046.330
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	62.929.546.017	-	62.929.546.017
Số dư cuối kỳ	4.905.539.547	-	4.905.539.547

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản cố nguyên giá là 4.443 triệu VND (1/1/2026: 4.443 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định vô hình chủ yếu đang được sử dụng (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Quyền sử dụng đất – Nhà máy Hoàng Quỳnh	4.905.539.547	5.019.451.365
Quyền sử dụng đất – Nam Kỳ Khởi Nghĩa	-	57.910.094.652
	4.905.539.547	62.929.546.017

17. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	87.087.737.911	-	87.087.737.911
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	75.002.501.500	75.002.501.500
	87.087.737.911	75.002.501.500	162.090.239.411
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	40.640.944.392	-	40.640.944.392
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	17.857.738.498	17.857.738.498
	40.640.944.392	17.857.738.498	58.498.682.890
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	46.446.793.519	57.144.763.002	103.591.556.521

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các bất động sản đầu tư cho thuê chủ yếu (được trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tòa nhà Sagota	46.446.793.519	-
Quyền sử dụng đất – Nam Kỳ Khởi Nghĩa	57.144.763.002	-
	103.591.556.521	-

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	31.051.184.117	8.564.571.430	1.537.494.882	41.153.250.429
Tăng trong kỳ	-	1.232.121.756	2.767.614.454	3.999.736.210
Phân bổ trong kỳ	(512.657.874)	(2.487.487.040)	(1.223.018.885)	(4.223.163.799)
	30.538.526.243	7.309.206.146	3.082.090.451	40.929.822.840

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	22.827.504.517	16.356.614.629
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	22.685.614.591	94.910.408.130
Các nhà cung cấp khác	41.971.813.018	35.575.162.690
	87.484.932.126	146.842.185.449

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	22.685.614.591	94.910.408.130
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	22.827.504.517	16.356.614.629
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	4.461.100.680	741.283.337
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	2.913.586.538	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	148.049.405	183.099.386
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	90.525.600	202.091.760
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	37.844.000	3.402.005
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	25.920.000	6.480.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	21.972.099	1.436.463.497
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	3.058.289	16.752.357

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 15 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

20. Người mua trả tiền trước

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Willink Enterprise	17.047.771.700	-
Trade Beer Sole Co., Ltd	2.350.443.578	2.352.266.790
Metro J Trading Co., Ltd	-	9.192.034.512
Các khách hàng khác	2.450.108.287	3.528.469.248
	21.848.323.565	15.072.770.550

21. Phải trả cổ tức

	Thời gian	30/6/2026	1/1/2026
	thanh toán	VND	VND
			(Phân loại lại)
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt	Tháng 9 năm 2026	17.504.907.200	-
Cổ tức phải trả bằng tiền mặt (*)	Trước năm 2026	2.724.799.000	2.744.799.000
		20.229.706.200	2.744.799.000

Chi tiết cổ tức phải trả như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ	10.437.440.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	1.008.060.000	-
Các cổ đông khác	8.784.206.200	2.744.799.000
	20.229.706.200	2.744.799.000

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản phải trả cổ tức này phản ánh các khoản cổ tức chưa được nhận bởi một số cổ đông thiểu số.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Cán trừ VND	Đã nộp VND	30/6/2026 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	296.876.118.470	1.512.460.210.494	-	(1.556.170.904.456)	253.165.424.508
Thuế giá trị gia tăng	34.151.296.652	306.765.986.817	(107.797.569.711)	(197.824.974.739)	35.294.739.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.445.203.201	8.990.313.951	-	(9.606.790.417)	3.828.726.735
Thuế thu nhập cá nhân	677.265.863	2.348.426.102	(45.406.207)	(2.069.720.056)	910.565.702
Thuế tài nguyên môi trường	9.584.080	60.132.961	-	(57.731.265)	11.985.776
Các loại thuế khác	266.888.398	276.066.991	-	(412.432.821)	130.522.568
	336.426.356.664	1.830.901.137.316	(107.842.975.918)	(1.766.142.553.754)	293.341.964.308

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí dịch vụ chuyên môn	3.940.530.000	2.840.530.000
Thưởng	-	1.257.990.076
Lãi vay	-	124.869.520
Chi phí phải trả khác	2.454.797.041	3.311.993.794
	6.395.327.041	7.535.383.390

24. Phải trả khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Nhận ký quỹ ngắn hạn	27.853.183.552	25.842.168.552
Kinh phí công đoàn	1.634.470.621	1.688.622.257
Phải trả khác	1.719.336.725	700.223.364
	31.206.990.898	28.231.014.173

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

25. Vay ngắn hạn

	1/1/2026 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ Tăng VND	Giảm VND	30/6/2026 Giá trị ghi sổ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	150.375.762.204	47.446.632.915	(197.822.395.119)	-
Điều kiện và điều khoản của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	Loại tiền tệ VND	Lãi suất năm 4,8% - 6,5%	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
			-	150.375.762.204

Các khoản vay trên không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.293.838.644	2.378.213.675
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh số 28)	13.228.650.278	4.799.757.232
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 28)	(3.581.059.649)	-
Hoàn nhập khoản quỹ đã sử dụng vượt mức từ các kỳ trước	4.573.372.191	-
Sử dụng trong kỳ	(6.490.150.489)	(2.135.836.160)
Số dư cuối kỳ	17.024.650.975	5.042.134.747

27. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	30/6/2026	1/1/2026
		VND	VND
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:</i>			
▪ Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	20%	122.372.050.289	122.372.050.289
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	3.486.543.982	-
		125.858.594.271	122.372.050.289

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	411.120.769.720	(538.343.347.514)	1.133.562.722.619
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	42.062.461.149	42.062.461.149
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(411.120.769.720)	411.120.769.720	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(4.799.757.232)	(4.799.757.232)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(75.569.167)	(75.569.167)
Giảm khác	-	-	-	-	(33.000.000)	(33.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	-	(90.068.443.044)	1.170.716.857.369
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	140.148.225.881	140.148.225.881
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.284.826.397)	(4.284.826.397)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(77.565.167)	(77.565.167)
Tăng khác	-	-	-	-	33.000.000	33.000.000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	-	45.750.391.273	1.306.535.691.686
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	200.260.258.462	200.260.258.462
Cổ tức (Thuyết minh số 30)	-	-	-	-	(17.504.907.200)	(17.504.907.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(13.228.650.278)	(13.228.650.278)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	3.581.059.649	3.581.059.649
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(481.567.161)	(481.567.161)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(493.861.666)	(493.861.666)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	-	217.882.723.079	1.478.668.023.492

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	875.245.360.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	875.245.360.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn.

30. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 16 tháng 4 năm 2026 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 là 17.505 triệu VND (tương đương 200 VND/cổ phiếu) (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: không).

31. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	31.457.914.488	13.600.757.734
Từ hai đến năm năm	273.253.030.882	145.757.125.894
Sau năm năm	543.995.552.346	680.456.606.602
	848.706.497.716	839.814.490.230

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê đất	6	28 - 47 năm	841.197.474.295	839.814.490.230
Thuê văn phòng	1	3 năm	7.509.023.421	-
			848.706.497.716	839.814.490.230

(b) Ngoại tệ

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	62.140	1.623.596.303	253.540	6.623.111.413

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo tình hình tài chính:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	95.611.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu

Tổng doanh thu chủ yếu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.719.157.599.651	1.536.630.758.966
▪ Cung cấp dịch vụ	9.659.744.481	14.421.217.881
▪ Bán hàng hóa	603.925.462	3.356.180.587
▪ Doanh thu khác	12.351.429.682	6.483.751.785
	1.741.772.699.276	1.560.891.909.219

33. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	1.480.333.941.617	1.418.392.047.544
Dịch vụ đã cung cấp	3.551.791.669	9.580.273.825
Hàng hóa đã bán	824.066.811	1.363.220.605
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	1.696.416.465	47.679.806.347
Giá vốn khác	939.666.805	2.593.339.500
	1.487.345.883.367	1.479.608.687.821

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	5.700.397.433	5.067.208.772
Thu nhập từ cổ tức	3.100.027.500	2.066.685.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	453.165	2.339.591.593
	8.800.878.098	9.473.485.365

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí đi vay	2.600.264.314	8.370.717.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	298.071.400	6.014.416
	2.898.335.714	8.376.732.213

36. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.061.813.763	3.293.881.287
Chi phí nhân viên	1.341.518.840	1.999.522.977
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	50.090.667	5.707.783.132
Chi phí khấu hao và phân bổ	38.237.340	86.078.364
Chi phí bán hàng khác	157.698.599	112.927.354
	6.649.359.209	11.200.193.114

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	19.346.323.738	15.940.120.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.686.237.700	3.959.562.715
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.001.337.571	4.079.671.365
Chi phí thuê đất	3.113.794.814	-
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	352.653.440	1.018.203.721
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.886.527.937	2.271.715.968
	41.386.875.200	27.269.274.193

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.353.203.175.596	1.308.650.008.618
Chi phí khấu hao và phân bổ	74.953.935.938	77.791.155.433
Chi phí nhân công và nhân viên	61.449.021.294	60.158.249.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.249.201.259	53.223.951.418
Chi phí khác	14.526.783.689	18.254.789.769

39. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	212.737.116.395	47.841.616.903
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	42.547.423.279	9.568.323.381
Thu nhập được miễn thuế	(620.005.500)	(1.678.735.234)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.664.301.551	729.662.915
Lỗ tính thuế được sử dụng	(32.211.673.278)	(12.376.056.577)
Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.096.811.881	9.535.961.269
	12.476.857.933	5.779.155.754

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	35.240.656.508	7.048.131.302	34.920.228.137	6.984.045.627
Lỗi tính thuế	508.373.813.316	101.674.762.663	664.268.548.674	132.853.709.735
	543.614.469.824	108.722.893.965	699.188.776.811	139.837.755.362

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Lỗi tính thuế được khấu trừ VND
2026	Chưa quyết toán	8.578.859.973
2027	Chưa quyết toán	576.779.249
2028	Chưa quyết toán	212.618.793.524
2029	Chưa quyết toán	271.698.629.180
2030	Chưa quyết toán	9.737.120.358
2031	Chưa quyết toán	5.163.631.032
		508.373.813.316

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	200.260.258.462	42.062.461.149
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(13.228.650.278)	(3.009.227.407)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	187.031.608.184	39.053.233.742

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được ước tính dựa trên số kế hoạch đã được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại dựa trên số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho hai kỳ báo cáo là 87.524.536 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2026	30/6/2025	30/6/2025
	VND	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)	(Theo báo cáo
		(*)	trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.137	446	426

(*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi như đề cập ở trên.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán sản phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.486.851.465.374	1.392.135.029.415
Bán nguyên vật liệu	-	115.000.667
Cung cấp dịch vụ	171.640.369	100.295.000
Mua nguyên vật liệu	204.646.856.441	1.044.016.151.942
Mua vật liệu bao bì	910.979.975.885	-
Mua tài sản cố định	-	595.207.000
Cổ tức công bố	10.437.440.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	75.113.152.871	37.041.385.875
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Chi phí thuê đất	10.775.137.314	2.058.373.213
Mua hàng hóa	335.506.000	-
Mua dịch vụ	727.100.815	-
Cổ tức công bố	1.008.060.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	4.336.568.514	579.728.450
Mua dịch vụ	120.625.000	8.600.000
Mua tài sản cố định	7.576.285.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	2.212.211.002	1.325.561.086
Phí thuê pallet	454.969.543	284.065.174
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Thu nhập từ cổ tức	1.750.000.500	1.166.667.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Thu nhập từ cổ tức	1.350.027.000	900.018.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Mua hàng hóa	1.270.041.474	-
Mua dịch vụ	179.723.663	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Bán hàng hóa	55.258.788	-
Mua hàng hóa	171.907.899	6.559.099
Các giao dịch khác	202.865.000	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	83.820.000	106.719.250
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Mua hàng hóa	-	32.361.000
Các giao dịch khác	66.000.000	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	58.594.566	102.963
Mua dịch vụ	-	1.292.879
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	170.500.000	62.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Mua hàng hóa	-	54.441.000
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester	48.000.000	32.000.000
Ông Lâm Du An	42.000.000	28.000.000
Ông Đinh Quang Hải	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Thùy	36.000.000	24.000.000
Ông Văn Thảo Nguyên	36.000.000	36.000.000
Ông Văn Thanh Liêm	-	16.000.000
Ông Đinh Văn Thuận	-	12.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi	-	12.000.000
Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	-	1.400.000.000
Ban Kiểm soát		
Thù lao	84.000.000	74.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

42. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	7.111.451.580	-

43. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tập đoàn đã áp dụng những quy định theo Thông tư 99 và Thông tư 43. Theo đó, một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 và Thông tư 43 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Mã số	1/1/2026 (phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	51.096.767.123	50.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.780.086.309	6.876.853.432
Phải trả cổ tức	313	2.744.799.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	28.231.014.173	30.975.813.173

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 (phân loại lại) VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 (theo báo cáo trước đây) VND
Khấu hao và phân bổ	02	77.791.155.433	77.278.497.559
Biến động chi phí chờ phân bổ	12	9.031.811.084	9.544.468.958

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:





Ngô Việt Hà
Kế toán trưởng

Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc kiêm
Người đại diện theo pháp luật

